



CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÀN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Số :MIDCAPETF1809/DCVFM.2026

Kính gửi: - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

To: Ho Chi Minh Stock Exchange

- Tên Công ty quản lý quỹ: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ DCVFM/ Fund Management company: DCVFM
- Tên Ngân hàng giám sát: Ngân Hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)/ Supervisor Bank: Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited
- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVN MIDCAP/ Fund name: DCVFMVN MIDCAP ETF
- Mã ccq/Code: FUEDCMID
- Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, số 02 Ngõ Đức Kế, Phường Sài Gòn, TP.HCM/ 15th Floor, Melinh Point Tower, 02 Ngo Duc Ke, Sai Gon Ward, HCMC
- Điện thoại/ Tel: 84 28 3825 1488 Fax: 84 28 3825 1489
- Ngày giao dịch hoàn đổi/ Exchange Date: 18/09/2026
- Đơn vị tính: 1 lô ETF tương đương: 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF certificates
- Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoàn đổi 1 lô ETF/ Components and weighting:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND)	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume/Amount	Weighting
I.	Chứng khoán/ Stock	1,145,995,000	98.96%
1	BAF	500	1.38%
2	BMP	100	1.24%
3	BVH	100	0.60%
4	CII	1,200	1.33%
5	CTD	100	0.51%
6	CTR	100	0.63%
7	DBC	600	0.83%
8	DCM	200	0.57%
9	DGW	200	0.78%
10	DIG	1,500	1.31%
11	DPM	500	0.99%
12	DSE	300	0.58%
13	DXG	1,900	1.77%
14	EIB	2,800	3.93%
15	EVF	1,300	1.31%
16	FRT	200	2.25%
17	FTS	300	0.53%
18	GEE	200	1.12%
19	GEX	1,700	3.45%
20	GMD	800	5.29%
21	HAG	1,200	1.45%
22	HCM	1,400	3.06%
23	HDG	500	0.69%
24	HHV	900	0.73%
25	HSG	1,100	0.96%
26	KBC	1,100	2.47%
27	KDC	200	0.88%
28	KDH	1,400	1.89%
29	MSB	4,900	5.46%
30	NAB	3,100	3.27%
31	NKG	700	0.60%
32	NLG	700	1.44%
33	NVL	2,500	2.70%
34	OCB	1,700	1.52%
35	PAN	200	0.32%
36	PC1	500	0.87%
37	PDR	1,100	1.10%
38	PHR	200	0.55%
39	PLX	200	0.65%
40	PNJ	900	2.86%
41	POW	1,100	1.20%
42	PVD	900	1.50%
43	PVT	500	0.98%
44	REE	400	1.56%
45	SBT	1,000	1.99%
46	SIP	200	0.84%
47	SJS	400	1.96%
48	TAL	300	0.58%
49	TCH	1,100	1.11%
50	TPB	2,800	3.40%
51	VCG	700	0.87%
52	VCI	1,600	2.76%
53	VCK	1,100	2.73%
54	VHC	200	0.88%
55	VIX	4,800	5.33%
56	VND	2,100	2.68%
57	VPI	300	1.63%
58	VPX	700	1.45%
59	VSC	700	0.80%
60	VTP	200	0.86%
II.	Tiền/ Cash (VND)	12,049,776	1.04%
III.	Tổng / Total (=I+II)	1,158,044,776	100%

